

Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển
Giáo viên soạn: Phan Thị Hương
Lớp dạy : 11/1, 11/2
Thời gian thực hiện: Tuần học 31
Tiết PPCT: 61

ÔN TẬP CHƯƠNG V

Môn học: Công nghệ chăn nuôi; lớp 11

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Mô tả được quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc một số loại vật nuôi phổ biến.
- Trình bày được những yêu cầu về chuồng nuôi của một số loại vật nuôi phổ biến.
- Đề xuất được một số biện pháp đảm bảo vệ sinh chuồng nuôi và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.
- Phân tích được quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP.
- Mô tả được một số mô hình chăn nuôi công nghệ cao (Ví dụ: hệ thống chăn nuôi cung cấp khẩu phần ăn tự động; hệ thống chăn nuôi thu gom, phân loại trứng tự động hệ thống chăn nuôi vắt sữa bò tự động).
- Nêu được một số ứng dụng công nghệ cao trong bảo quản, chế biến sản phẩm chăn nuôi.
- Chế biến được một số sản phẩm chăn nuôi bằng phương pháp đơn giản.
- Thực hiện được một số công việc đơn giản trong quy trình kỹ thuật chăn nuôi.

2. Năng lực:

2.1. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học:

- Lựa chọn, chủ động được nguồn tài liệu, phân kiến thức phù hợp để tìm hiểu, trao đổi, mở rộng và chốt được trọng tâm kiến thức của chương V.

- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động nhóm, thuyết trình, trả lời câu hỏi tự luận, trắc nghiệm và vấn đáp thành viên trong nhóm và vấn đáp với GV.

- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Giải quyết vấn đề thông qua hoạt động nhóm, vẽ sơ đồ tư duy, thuyết trình, tổng kết ý, tổng kết bài và phản ứng nhanh nhạy trước câu hỏi phát vấn của GV và làm bài tập trắc nghiệm.

2.2. Năng lực công nghệ:

3. Phẩm chất:

- Có ý thức tìm tòi, khám phá, trau dồi kiến thức và có thêm phần lựa chọn nghề tương lai cho bản thân.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên: Một số mẫu sơ đồ tư duy tổng kết chương V, câu hỏi tự luận và câu hỏi trắc nghiệm trong nội dung chương V.

2. Học sinh: Ôn tập nội dung chương V; Lựa chọn mẫu sơ đồ tư duy tổng kết kiến thức chương V (có thể lấy mẫu SGK); Tìm tòi và trả lời câu hỏi trong SGK trang 107.

III. Tiến trình tiết ôn tập

1. Hoạt động 1: Mở đầu:

- GV giới thiệu nội dung cần ôn tập của chương V và nêu các yêu cầu thực hiện trong tiết ôn tập.

- HS định hướng được công việc trong tiết ôn tập và tâm thế sẵn sàng cho phần trả lời câu hỏi ôn tập.

2. Hoạt động 2: Ôn tập:

a) Mục tiêu:

- HS thiết kế được sơ đồ tư duy riêng cho nhóm và cho bản thân, trình bày được nội dung chính và làm được các câu trắc nghiệm trong các bài của chương V.

b) Nội dung:

- Câu hỏi tự luận: 5 câu trong SGK trang 107.

- Câu hỏi trắc nghiệm: + Chọn đáp án đúng nhất và duy nhất
+ Ghép đúng nội dung đã cho sẵn
+ Điền khuyết
+ Xác định ý kiến đúng và ý kiến sai.

c) **Sản phẩm:** Sơ đồ tư duy tổng kết kiến thức của học sinh; câu trả lời tự luận và trắc nghiệm.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Hoạt động 2.1: Thiết kế sơ đồ tư duy ôn tập chương V:	
<p>*Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV hướng dẫn HS hoạt động nhóm hoàn thành sơ đồ tư duy tổng kết kiến thức chính của nội dung chương V.</p> <p>*Thực hiện nhiệm vụ học tập: HS nghiên cứu nội dung hoàn thành nhiệm vụ của GV.</p> <p>*Báo cáo kết quả và thảo luận: HS gắn sản phẩm lên bảng, đại diện trình bày.</p> <p>*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ: GV nhận xét, tổng kết kiến thức và cho điểm HS hoặc nhóm HS.</p>	
Hoạt động 2.2: Bài tập	
*Chuyển giao nhiệm vụ học tập:	II. BÀI TẬP

<p>GV hướng dẫn HS nghiên cứu nội dung và đặt các câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Câu hỏi tự luận: - Câu hỏi trắc nghiệm: <p><i>*Thực hiện nhiệm vụ học tập:</i> HS nghiên cứu nội dung theo yêu cầu với các bạn để trả lời câu hỏi.</p> <p><i>*Báo cáo kết quả và thảo luận:</i> HS trả lời câu hỏi sau khi đã nghiên cứu SGK và trao đổi với bạn hoặc nhóm.</p> <p><i>*Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:</i> GV nhận xét, tổng kết kiến thức và cho điểm HS hoặc nhóm HS.</p>	<p>1. Câu hỏi tự luận:</p> <p>2. Câu hỏi trắc nghiệm:</p>
--	---

Câu hỏi tự luận:

Câu 1: Trình bày những yêu cầu về chuồng nuôi của một số loại vật nuôi phổ biến (gà, lợn, bò). Theo em, cần phải làm gì để đảm bảo vệ sinh chuồng nuôi và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.

Câu 2: Mô tả quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc một số loại vật nuôi phổ biến (gà đẻ trứng, lợn thịt, bò sữa,...). Liên hệ với thực tiễn chăn nuôi ở gia đình, địa phương em.

Câu 3: Phân tích quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP. Liên hệ với thực tiễn chăn nuôi ở gia đình, địa phương em.

Câu 4: Mô tả một số mô hình chăn nuôi công nghệ cao.

Câu 5: Trình bày một số phương pháp bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi. Nêu ý nghĩa của việc ứng dụng công nghệ cao trong bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi.

Câu hỏi trắc nghiệm:

Bài 16 – Chăn nuôi và biện pháp vệ sinh trong chăn nuôi

Câu 1: Chuồng nuôi là:

- A. Nhà ở của vật nuôi
- B. Lồng nhốt vật nuôi
- C. Bụi cây, bờ cỏ, hang hốc
- D. Không gian tự do trên bầu trời

Câu 2: Chuồng nuôi phải đảm bảo yêu cầu chung về:

- A. Vị trí - Kiến trúc xây dựng
- B. Hướng chuồng – Nền chuồng
- C. Kiến trúc xây dựng
- D. Vị trí-Hướng chuồng-Nền chuồng- Kiến trúc.

Câu 3: Vị trí chuồng nuôi đạt tiêu chuẩn

- A. Gần sông, hồ để tiện rửa, vệ sinh chuồng nuôi
- B. Gần đường giao thông để tiện chuyên chở thức ăn và xuất bán
- C. Yên tĩnh, xa khu dân cư, xa đường giao thông tránh lây nhiễm bệnh
- D. Gần nhà ở để tiện chăm sóc, dọn vệ sinh chuồng nuôi

Câu 4: Hướng chuồng phù hợp nhất cho sự sinh trưởng, phát triển của vật nuôi

- A. hướng tây
- B. hướng đông-nam
- C. hướng bắc
- D. hướng đông-bắc

Câu 5: Đặc điểm nào sau thuộc kiến trúc xây dựng chuồng nuôi:

- A. Đón hướng gió mát và ánh nắng mặt trời vào buổi sáng
- B. Khô ráo, ẩm áp, chắc chắn, có độ dốc vừa đủ, cao hơn mặt đất xung quanh.
- C. Chăn nuôi nông hộ thid phải cách biệt với nhà ở
- D. Thiết kế và xây dựng phù hợp với đặc điểm sinh lí của từng loại vật nuôi và nên áp dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến.**

Câu 6: Vì sao cần đảm bảo vệ sinh chuồng nuôi, bảo vệ môi trường trong chăn nuôi

- A. Là giải pháp quan trọng để phòng bệnh, tránh lây nhiễm, giảm tác động xấu đến môi trường, là chìa khóa cho sự phát triển ngành chăn nuôi bền vững.**
- B. Để bảo vệ cho vật nuôi không bị nhiễm bệnh
- C. Để bảo vệ môi trường chăn nuôi và con người
- D. Để bảo vệ sự lây nhiễm từ vật nuôi sang người

Câu 7: Các biện pháp đảm bảo vệ sinh chuồng nuôi và bảo vệ môi trường chăn nuôi

- A. Vệ sinh chuồng nuôi
- B. Tiêu độc khử trùng chuồng nuôi
- C. Thu gom, xử lí chất thải chăn nuôi
- D. Tất cả các ý trên**

Câu 8: “Định kì phun thuốc, tiêu độc, khử trùng, quét vôi, tẩy uế,...” là việc làm thuộc biện pháp:

- A. Bảo vệ môi trường chăn nuôi
- B. **Tiêu độc, khử trùng chuồng nuôi**
- C. Xử lí chất thải chăn nuôi
- D. Chăm sóc vật nuôi

Câu 9: Chất thải chăn nuôi được xử lí bằng cách:

- A. Xả trực tiếp xuống ao, hồ, sông làm thức ăn cho cá
- B. Bón trực tiếp cho cây trồng không cần qua ủ hoai
- C. Thu gom, ép, tách phân bã, phân lỏng để sản xuất phân vi sinh và đưa vào hầm biogas**
- D. Áp dụng tất cả các biện pháp trên

Câu 10: Vì sao nên xây chuồng theo hướng đông- nam hoặc hướng nam.

- A. Để đón gió mát, đón ánh nắng mặt trời buổi sáng chiếu vào chuồng**
- B. Giữ yên tĩnh, không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ cho vật nuôi
- C. Đảm bảo cho chuồng nuôi sạch sẽ, khô ráo, hạn chế ô nhiễm môi trường
- D. Tránh lây nhiễm từ vật nuôi bệnh sang vật nuôi khỏe và con người.

Câu 11: Điền khuyết:

Điền các từ phù hợp vào đoạn thông tin sau:

ĐA: phân bã, phân lỏng (SGK tr83)

“Trong các trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp quy mô lớn hiện nay, người ta thiết kế lắp máy ép phân để tách và phần riêng. được dung để sản xuất phân vi sinh, phân được đưa vào hầm biogas. Sau khi xử lí, nước thải đủ tiêu chuẩn được tái sử dụng trong trồng trọt và chăn nuôi.”

Câu 12: Ghép đúng nội dung trong 2 cột sau (Mỗi loại chuồng ghép đúng với 2 ý)

Loại chuồng	Ưu điểm – nhược điểm	ĐA
-------------	----------------------	----

A. Chuồng hở	1. Thông thoáng tự nhiên, dễ làm, chi phí thấp, phù hợp với chăn nuôi nhỏ lẻ. A 1,5
	2. Hệ thống cửa sổ đóng mở linh hoạt, nên có thể tận dụng điều kiện khí hậu tốt của tự nhiên.	
B. Chuồng kín	3. Đầu tư lớn và chỉ phù hợp với quy mô công nghiệp, bán công nghiệp. B 4,6
	4. Kín đáo, có thể điều khiển được khí hậu chuồng nuôi, giảm chi phí thức ăn, ít dịch bệnh.	
C. Chuồng kín-hở linh hoạt	5. Vật nuôi dễ bị ảnh hưởng xấu của thời tiết khắc nghiệt, khó đảm bảo an toàn sinh học. C 2,3
	6. Chi phí lớn, ảnh hưởng đến việc đối xử nhân đạo với vật nuôi	

Bài 17 – Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi

Câu 13: Chuồng nuôi không yên tĩnh sẽ ảnh hưởng đến gà đẻ trứng

- A. Gà bị stress
B. Gà ở trạng thái đề phòng, sợ
C. Gà di chuyển nhiều gây vỡ trứng
D. Tất cả các ý

Câu 14: Chuồng nuôi gà đẻ đạt tiêu chuẩn:

- A. Chắc chắn, thoáng mát (18 – 25°C và 65 – 80%), đủ ánh sáng (14 – 16h/ngày), yên tĩnh, 4 mái đẻ/ ổ đẻ.
B. Chắc chắn, thoáng mát (28 – 35°C và 65 – 80%), đủ ánh sáng (14 – 16h/ngày), yên tĩnh, 4 mái đẻ/ ổ đẻ.
C. Chắc chắn, thoáng mát (38 – 45°C và 65 – 80%), đủ ánh sáng (22 – 24h/ngày), yên tĩnh, 6 mái đẻ/ ổ đẻ.
D. Chắc chắn, thoáng mát (18 – 25°C và 35 – 50%), đủ ánh sáng (22 – 24h /ngày), yên tĩnh, 8 mái đẻ/ ổ đẻ.

Câu 15: Để gà khỏe mạnh, đẻ đều trứng, trứng chắc vỏ, đủ chất, ta cho gà ăn tự do

- A. Bột cá nghiền
B. Bột vỏ sò
C. Bột cỏ khô
D. Bột sữa

Câu 16: Với gà đẻ trứng, cường độ ánh sáng phù hợp nhất cho gà

- A. Cường độ sáng (80 lux)
B. Cường độ sáng (10 lux)
C. Cường độ sáng (30 lux)
D. Cường độ sáng không ảnh hưởng đến gà đẻ trứng

Câu 17: Phương thức nuôi lợn thịt tiên tiến, hiệu quả, hạn chế ô nhiễm môi trường hiện nay là:

- A. Thức ăn đảm bảo an toàn, vệ sinh, không chứa nấm mốc và độc tố; Tiêm đủ vaccin
B. Nền xi măng 1/3 diện tích nền, còn lại là lớp đệm chuồng bằng vỏ trấu, rơm, sơ dừa
C. Hàng ngày phải làm vệ sinh chuồng, máng ăn, máng uống, và lợn được uống nước sạch theo nhu cầu.
D. Tất cả các ý trên

Câu 18: Loại thức ăn nào sau phù hợp với nuôi lợn

D. Tất cả các ý trên

Câu 32: Việc làm nào sau **không** phù hợp với chăn nuôi chuẩn VietGAP

A. Có các khu chức năng riêng biệt: khu chuồng nuôi, kho thức ăn, thuốc thú y, vật tư chăn nuôi, công trình cấp nước và xử lý chất thải, phòng khử trùng.

B. Chuồng trại ở khu riêng biệt, có đủ vật tư chăn nuôi nên không cần tiêm vacxin cho vật nuôi để tiết kiệm chi phí trong chăn nuôi.

C. Có lịch và thực hiện định kì phun thuốc khử trùng, tẩy uế, phát quang bụi rậm, vệ sinh công rãnh.

D. Có hồ sơ theo dõi toàn bộ diễn biến về dịch bệnh, nguyên nhân phát sinh, các loại thuốc phòng và điều trị cho vật nuôi.

Câu 33: Điền khuyết: Điền từ phù hợp đã cho sẵn vào các ô trống sau:

trống chuồng; chất thải rắn; sổ ghi chép X2; khử trùng; gây ô nhiễm; trang trại; rửa sạch

33.1: Trước và sau mỗi đợt nuôi hoặc mỗi lứa nuôi, phải (1).....và (2) chuồng nuôi, thiết bị trong chuồng. Để (3)..... ít nhất 7 ngày mới nuôi lứa mới.

33.2: (4)..... phải được thu gom hằng ngày, chuyển đến nơi tập trung và xử lý, đảm bảo không (5).....môi trường.

33.3: Trại chăn nuôi phải có (6)....., theo dõi và lưu trữ các thông tin trong quá trình chăn nuôi. Tất cả các (7)..... .. được theo dõi thường xuyên và lưu trữ tại (8)..... ít nhất 12 tháng.

ĐÁP ÁN

(3) trống chuồng, (4) chất thải rắn, (6),(7) sổ ghi chép X2, (2) khử trùng, (5) gây ô nhiễm, (8) trang trại, (1) rửa sạch.

Câu 34: Điền (Đ) đúng, (S) sai để xác định mô hình, phương pháp nào sau thuộc chăn nuôi tiêu chuẩn VietGAP

	Mô hình, phương pháp sau thuộc chăn nuôi tiêu chuẩn VietGAP	Chọn
1	Giáp tết, nhà bác A mua và nuôi 10 con gà trống ở ngoài chợ để phục vụ nhu cầu tết cho gia đình mình. Bác thường tận dụng cơm, rau còn thừa trộn cùng cám, bột nghiền cho gà ăn.	S
2	Chuồng nuôi nhà cô B có 1000 con lợn nái giống. Để đảm bảo các nái giống khỏe mạnh, để đều, cô đầu tư các trang thiết bị hiện đại, tự động từ cho ăn đến cung cấp nước uống, vệ sinh chuồng trại và hệ xử lý chất thải biogas.	Đ
3	Chuồng nuôi của gia đình bà Hà (Sóc Trăng) có địa điểm chuồng nuôi cách xa khu dân cư và thuận tiện giao thông; có khu chuồng cách ly; quy mô chăn nuôi đáp ứng từ 10 con trở lên, trong đó có ít nhất 5 con bò cái sinh sản. Diện tích tròng cỏ từ 2.000 mét vuông trở lên. Bò mới mua thực hiện nhốt khoảng 03 tuần tại chuồng cách ly trước khi đưa vào chuồng nuôi. Đàn bò phát triển khỏe mạnh, không xảy ra bệnh. Bình quân 6 tháng, bà Hà đã có thể xuất bán từ 4 - 5 con, thu về lợi nhuận 5 triệu đồng mỗi con.	Đ

4	Nhà ông Hiền, huyện Vĩnh Tường – Vĩnh Phúc đang chăn nuôi lợn theo truyền thống, chuồng trại hở dẫn đến chăn nuôi kém hiệu quả. Ông dự định đầu tư xây dựng chuồng trại nuôi lợn khép kín với quy mô 20 lợn nái, 100 lợn thịt theo mô hình chăn nuôi lợn quy trình VietGAP theo hướng dẫn của Trung tâm Khuyến nông tỉnh.	S
---	---	---

Bài 19 – Chăn nuôi công nghệ cao

Câu 35: Chăn nuôi công nghệ cao là:

- A. Kết hợp nhiều công nghệ hiện đại, tiên tiến
- B. Giải phóng sức lao động của con người
- C. Giảm thiểu tác động xấu đến môi trường
- D. Tất cả các ý trên

Câu 36: Công nghệ nào sau không thuộc không nghệ cao

- A. Tự động cung cấp nước sạch cho vật nuôi
- B. Gắn chip sinh học
- C. Công nhân thu trứng gà
- D. Máy vắt sữa bò tự động

Câu 37: Vai trò của mô hình chăn nuôi gà đẻ thu trứng tự động (robot tự động):

- A. Robot tách trứng vỡ, nứt, hỏng, bẩn, bắt thường ra khỏi hệ thống.
- B. Trứng đạt yêu cầu được diệt khuẩn, phân loại kích cỡ
- C. In thông tin ngày đẻ, hạn dùng, vận chuyển về kho và đưa đi tiêu thụ
- D. Tất cả các ý trên

Câu 38: Sử dụng robot cho ăn tự động trong chăn nuôi bò đem lại lợi ích:

- A. Robot thay thế con người nhận thức ăn từ nhà kho
- B. Robot thay thế con người nhận thức ăn từ nhà kho, di chuyển đến từng ô chuồng bò để rải thức ăn đảm bảo thức ăn tươi và mới.
- C. Thay thế con người mang thức ăn di chuyển đến từng ô chuồng bò
- D. Thay thế con người rải thức ăn cho bò, đảm bảo thức ăn tươi và mới

Câu 39: Mô hình chăn nuôi lợn gắn chip đem lại hiệu quả cao do:

- A. Tiết kiệm nhân công lao động nên tiết kiệm chi phí nhân công.
- B. Đảm bảo đối xử nhân đạo với vật nuôi, vật nuôi được tự do đi lại, ăn uống
- C. Người chăn nuôi nhận được thông tin cơ bản của mỗi cá thể trong đàn thông qua hệ thống chip
- D. Tất cả các ý trên

Câu 40: Khó khăn trong việc áp dụng công nghệ cao trong chăn nuôi

- A. Chi phí đầu tư lớn
- B. Khó sử dụng
- C. Tạo sản phẩm không an toàn
- D. Vật nuôi sợ các hoạt động của máy móc

Câu 41: Mô hình chăn nuôi gà đẻ thu trứng tự động là:

- A. Trứng gà đẻ được tự động vận chuyển theo băng chuyền về khu tập kết
- B. Trứng gà được nghiền ra làm thức ăn chăn nuôi
- C. Trứng thu được chế biến thành những sản phẩm đóng hộp
- D. Trứng không được thu tự động trong mô hình này

Câu 42: Robot massage tự động trong chăn nuôi bò sữa có vai trò:

- A. Thay thế con người chải lông massage cho bò, tiết kiệm công sức cho người chăn nuôi
- B. Thay thế con người chải lông massage cho bò, giúp máu lưu thông, bò khỏe mạnh hơn, tăng hàm lượng và chất lượng sữa và tiết kiệm công sức cho người chăn nuôi.**
- C. Hàm lượng sữa được tạo ra nhiều hơn và chất lượng cao hơn
- D. Giúp máu lưu thông, bò khỏe mạnh hơn

Câu 43: Mô hình chăn nuôi lợn gắn chip được áp dụng như thế nào?

- A. Mỗi lợn nái được gắn một chip điện tử ở tai
- B. Mỗi lợn nái được gắn một chip điện tử ở tai, chip ghi nhận thông tin cơ bản chuyển về thiết bị trung tâm để xử lý sau đó tự động chuyển báo cho người chăn nuôi.**
- C. Thông tin cơ bản được chip ghi nhận và chuyển về thiết bị trung tâm
- D. Thông tin được xử lý và tự động chuyển báo cho người chăn nuôi

Câu 44: Mô hình chăn nuôi nào sau không phải là chăn nuôi công nghệ cao

- A. Nhà ông - bà A nuôi thả vườn 10.000 gà mái đẻ trên diện tích đồi 1000m², sáng nào nhà ông bà cũng cần tới 7 nhân công đi thu nhặt trứng để kịp xuất bán ra thị trường.**
- B. Nhà bác A mới đầu tư được 2 máy massage tự động, hệ thống quạt mát, điều hòa cho chuồng nuôi bò sữa, dự kiến hai tuần sau nhà bác sẽ nhập thêm 20 bò sữa nái để phát triển số lượng đàn.
- C. Một đơn vị chăn nuôi tại Đồng Nai đã sử dụng phương pháp gắn chip điện tử vào từng con lợn nuôi nái, mọi thông tin cơ bản về lợn, chủ đơn vị đều nắm được thông qua điện thoại thông minh di động của mình.
- D. Một trang trại sử dụng hệ thống vắt sữa bò tự động, sau khi sữa được vắt xong, máy tự động chuyển sang hệ thống máy làm lạnh để vận chuyển tới cơ sở chế biến.

Bài 20 – Bảo quản và chế biến sản phẩm chăn nuôi

Câu 45: Bảo quản sản phẩm chăn nuôi là:

- A. Áp dụng các biện pháp để làm chậm quá trình hư hỏng , kéo dài thời gian sử dụng mà chất lượng sản phẩm vẫn được đảm bảo**
- B. Áp dụng các phương pháp để chuyển các nguyên liệu tươi thành sản phẩm thực phẩm cho con người sử dụng.
- C. Là phương pháp hạ nhiệt độ sản phẩm xuống thấp hơn nhiệt độ đóng băng của nước trong sản phẩm (0⁰C)
- D. Tất cả các khái niệm trên.

Câu 46: Chế biến sản phẩm chăn nuôi là:

- A. Là phương pháp hạ nhiệt độ sản phẩm xuống thấp hơn nhiệt độ đóng băng của nước trong sản phẩm (0⁰C)
- B. Áp dụng các biện pháp để làm chậm quá trình hư hỏng , kéo dài thời gian sử dụng mà chất lượng sản phẩm vẫn được đảm bảo
- C. Áp dụng các phương pháp để chuyển các nguyên liệu tươi thành sản phẩm thực phẩm cho con người sử dụng.**

D. Tất cả các khái niệm trên

Câu 47: Bảo quản lạnh đông (cấp đông)

A. Áp dụng các biện pháp để làm chậm quá trình hư hỏng, kéo dài thời gian sử dụng mà chất lượng sản phẩm vẫn được đảm bảo

B. Là phương pháp hạ nhiệt độ sản phẩm xuống thấp hơn nhiệt độ đóng băng của nước trong sản phẩm (0°C)

C. Áp dụng các phương pháp để chuyển các nguyên liệu tươi thành sản phẩm thực phẩm cho con người sử dụng.

D. Tất cả các khái niệm trên

Câu 48: Vai trò của công tác bảo quản

A. Nâng cao hiệu quả sử dụng sản phẩm

B. Tăng khả năng xuất khẩu, mở rộng thị trường, ổn định giá cả, đáp ứng kịp thời cho nhu cầu tiêu dùng.

C. Tăng năng lực cho ngành chế biến.

D. Tất cả các ý trên

Câu 49: Công tác chế biến sản phẩm có vai trò:

A. Nâng cao giá trị dinh dưỡng và giá trị kinh tế của sản phẩm

B. Tiêu diệt một số mầm bệnh và kéo dài thời gian sử dụng

C. Nâng cao giá trị dinh dưỡng, tiêu diệt một số mầm bệnh trên sản phẩm nên kéo dài thời gian sử dụng và giá trị kinh tế của sản phẩm.

D. Tăng năng lực cho ngành chế biến.

Câu 50: Nguyên lí trong công nghệ bảo quản lạnh:

A. Nhiệt độ thấp ức chế các hoạt động sống của vi sinh vật, làm chậm quá trình sinh hóa xảy ra trong sản phẩm nên sản phẩm giữ được chất lượng lâu hơn.

B. Nhiệt độ nâng cao sẽ làm biến tính protein, làm thay đổi tính chất vật lí và hương vị sản phẩm, nên sản phẩm thơm, ngon hơn.

C. Nhiệt độ phù hợp giúp hoạt động vi khuẩn lên men tốt hơn, tạo hơn vị thơm ngon, nâng cao dinh dưỡng, kéo dài thời gian sử dụng.

D. Nâng nhiệt độ sản phẩm chăn nuôi lên mức nhất định sẽ làm ức chế hoặc ngưng quá trình sinh hóa và hoạt động của vi sinh vật trong sản phẩm, nhờ vậy mà kéo dài được thời gian sử dụng.

Câu 51: Công nghệ sản xuất thịt hộp được thực hiện theo nguyên lí:

A. Nhiệt độ thấp ức chế các hoạt động sống của vi sinh vật, làm chậm quá trình sinh hóa xảy ra trong sản phẩm nên sản phẩm giữ được chất lượng lâu hơn.

B. Nhiệt độ nâng cao sẽ làm biến tính protein, làm thay đổi tính chất vật lí, tạo ra sản phẩm có hương vị mới, thơm, ngon hơn.

C. Nhiệt độ phù hợp giúp hoạt động vi khuẩn lên men tốt hơn, tạo hơn vị thơm ngon, nâng cao dinh dưỡng, kéo dài thời gian sử dụng.

D. Nâng nhiệt độ sản phẩm chăn nuôi lên mức nhất định sẽ làm ức chế hoặc ngưng quá trình sinh hóa và hoạt động của vi sinh vật trong sản phẩm, nhờ vậy mà kéo dài được thời gian sử dụng.

Câu 52: Nguyên lí: “*Nâng nhiệt độ sản phẩm chăn nuôi lên mức nhất định sẽ làm ức chế hoặc ngưng quá trình sinh hóa và hoạt động của vi sinh vật trong sản phẩm, nhờ vậy mà kéo dài được thời gian sử dụng*” được áp dụng trong công nghệ nào sau:

- A. Công nghệ bảo quản lạnh đông (cấp đông) C. Công nghệ ủ lên men sản phẩm
 B. Công nghệ sản xuất thịt hộp **D. Công nghệ xử lí ở nhiệt độ cao**

Câu 53: Nem chua ngon và chất lượng cao, ta chú ý điều gì?

- A. Nguyên liệu thịt tươi, mới.** C. Nên cho nhiều đường và muối
 B. Ủ trong thời gian càng dài càng ngon D. Gói càng nhiều lá chuối thì càng ngon

Câu 54: Trong công nghệ sản xuất thịt hộp, nhiệt độ và thời gian được áp dụng là:

- A. Nhiệt độ 18 – 20⁰C trong khoảng 15 phút
B. Nhiệt độ 100 – 121⁰C trong khoảng 15 phút
 C. Nhiệt độ 38 – 42⁰C trong khoảng 60 – 80 phút
 D. Nhiệt độ 125 – 140⁰C trong khoảng 3 – 20 giây

Câu 55: “*Phương pháp hạ nhiệt độ sản phẩm xuống thấp hơn nhiệt độ môi trường nhưng lớn hơn nhiệt độ đóng băng của nước trong sản phẩm*” là nguyên lí:

- A. Phương pháp xử lí ở nhiệt độ cao **C. Phương pháp bảo quản lạnh thường**
 B. Phương pháp bảo quản lạnh đông D. Phương pháp thanh trùng sản phẩm

Câu 56: Sản phẩm nào sau đây **không phải** sản phẩm của ngành chăn nuôi:

- A. Thịt, cá, trứng, sữa C. Tôm chiên, mực hấp, trứng muối
 B. Xúc xích, thịt hộp, sữa chua **D. Đậu phụ non, nấm sào, sữa bí ngô**

Câu 57: Điền khuyết: *Điền từ phù hợp đã cho sẵn vào các ô trống sau:*

chăn nuôi; tăng lên; theo chuỗi; sản xuất; chế biến; sản phẩm;
--

Để tăng hiệu quả và giá trị cho **sản phẩm** chăn nuôi, ngày nay nhiều công ti **chăn nuôi** đã thực hiện **theo chuỗi** từ khâu sản xuất thức ăn đến **sản xuất** chăn nuôi và **chế biến** sản phẩm (3F: Feed-Farm-Pood). Nhờ vậy, hiệu quả kinh tế, tính bền vững trong sản xuất được **tăng lên** rất nhiều.

Câu 58: Ghép đúng nội dung hai cột sau (Mỗi quy trình ghép đúng với 2 ý)

Quy trình	Nguyên lí	ĐA
A. Bảo quản lạnh sữa tươi	1. Nâng nhiệt độ sữa lên 70 – 75 ⁰ C trong 15 – 20 giây
	2. Sữa sau khi vắt được lọc, bảo quản trong bồn lạnh, thùng lạnh (4 – 6 ⁰ C)	A 2,6
B. Thanh trùng sữa	3. Nâng nhiệt độ sữa lên 125 – 140 ⁰ C trong 3 – 20 giây
	4. Phối trộn sữa/ men giống là 9/1, chiết rót vào hộp, đậy nắp.	B 1,5
C. Tiệt trùng sữa	5. Hạ nhiệt độ sữa xuống 15 – 20 ⁰ C, tiến hành đóng gói và bảo quản nhiệt độ 4 – 6 ⁰ C C 3,8

	6. Áp dụng thời gian bảo quản là 1 – 2 ngày để vận chuyển đến cơ sở chế biến.	
D. Chế biến sữa	7. Ủ ấm ở 42 ⁰ C trong khoảng 6 – 8 giờ, sau đó làm lạnh nhiệt độ 4 – 6 ⁰ C để bảo quản. D 4,7
	8. Hạ nhiệt độ sữa xuống 15 – 20 ⁰ C, tiến hành đóng gói và bảo quản nhiệt độ phòng.	